



Bản tin

Nông nghiệp và Môi trường

Số 03/2025

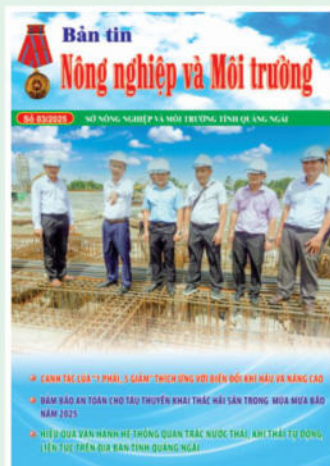
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI



- **CANH TÁC LÚA “1 PHẢI, 5 GIẢM” THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ NÂNG CAO**
- **ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TÀU THUYỀN KHAI THÁC HẢI SẢN TRONG MÙA MƯA BÃO NĂM 2025**
- **HIỆU QUẢ VẬN HÀNH HỆ THỐNG QUAN TRẮC NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Nông nghiệp và Môi trường QUẢNG NGÃI

Số 03/2025



Chịu trách nhiệm xuất bản:

Trưởng Ban Biên tập

Phó Giám đốc Sở NN và MT

NGUYỄN QUANG TRUNG

Phó Ban Biên tập:

ƯNG VĂN THANH

Giám đốc Trung tâm

Khuyến nông Quảng Ngãi

NGUYỄN VĂN HÙNG

Phó Chánh Văn phòng Sở

Tổ Thư ký

NGÔ MẠNH HÙNG

NGÔ HỮU VỸ

NGUYỄN TRUNG HIẾU

Bìa 1:

Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phùng Đức Tiến kiểm tra tiến độ thi công dự án Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa

Địa chỉ liên lạc Ban biên tập:

182 Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi

ĐT/FAX: 0255.3822.704 - 3737.156

Email: bientapkn@gmail.com

Trong số này

- ◆ Quảng Ngãi khơi thông điểm nghẽn đất đai khi triển khai chính quyền địa phương hai cấp **1**
- ◆ Giải pháp chăn nuôi an toàn – Nền tảng phát triển bền vững ngành chăn nuôi tỉnh Quảng Ngãi **3**
- ◆ Canh tác lúa “1 phải, 5 giảm” thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao hiệu quả kinh tế **4**
- ◆ Thích ứng quy định không gây mất rừng (EUDR) - Cơ hội và thách thức **6**
- ◆ Tỉnh Quảng Ngãi dự kiến thành lập Khu DTTN Tây Ba Tư trong năm 2025 **8**
- ◆ Phát triển nuôi trồng thủy sản tỉnh Quảng Ngãi - Tiềm năng và cơ hội **10**
- ◆ Đảm bảo an toàn cho tàu thuyền khai thác hải sản trong mùa mưa bão năm 2025 **12**
- ◆ Tăng cường kiểm tra, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, đề điều trước mùa mưa lũ năm 2025 **13**
- ◆ Nhìn lại 10 năm thực hiện Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh **15**
- ◆ Lồng ghép Chương trình du lịch nông thôn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm tại Quảng Ngãi **17**
- ◆ Tuyên truyền hoạt động hưởng ứng chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn **18**
- ◆ A Tút - người thắp lửa xanh giữa đại ngàn **20**
- ◆ Hiệu quả vận hành hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi **22**
- ◆ Chuyển đổi số để hướng đến nông nghiệp xanh và phát triển bền vững **23**
- ◆ Triển khai công tác phòng, chống thiên tai khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp **25**
- ◆ Ứng dụng công nghệ xử lý chất thải để phát triển chăn nuôi xanh, bền vững **27**

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH



**Hội thảo khuyến nông với chủ đề
“Ứng dụng công nghệ xử lý chất thải trong chăn nuôi”**



**Chương trình canh tác cà phê thông minh thích ứng với
biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên**



**Nuôi ghép tôm, cua, cá - Giải pháp nuôi trồng thủy sản
thích ứng với biến đổi khí hậu**



**Quảng Ngãi đẩy mạnh cải tạo, nâng cao tầm vóc đàn trâu
địa phương, nâng cao hiệu quả chăn nuôi và tạo sinh kế
bền vững cho người dân miền núi**



**Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi chú trọng phát triển các mô
hình sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp theo hướng tuần
hoàn, thân thiện với môi trường**



**Nông dân xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đẩy mạnh chuyển
đổi các giống cây trồng có giá trị kinh tế cao nhằm phát
triển kinh tế nông nghiệp**

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH



Lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN, các sở, ban, ngành, địa phương dự lễ khánh thành và tham quan nhà máy chế biến nông sản của Sao Mai



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Phước Hiền và lãnh đạo các Sở, ngành kiểm tra Dự án Đê chắn cát, giảm sóng và nạo vét thông luồng vào Khu neo đậu tránh bão cảng cá Sa Huỳnh



Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường trực tiếp làm việc với UBND xã Vạn Tường để tháo gỡ khó khăn cho địa phương



Đảng bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường đại hội lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030



Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường trực tiếp làm việc, tháo gỡ khó khăn trong lĩnh vực đất đai cho các xã, phường



Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra vùng nguyên liệu cây ăn quả tại các xã phái tây Quảng Ngãi

QUẢNG NGÃI KHƠI THÔNG ĐIỂM NGHẼN ĐẤT ĐAI KHI TRIỂN KHAI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

✍ Nguyễn Văn Hùng

Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường

Sau hơn ba tháng thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh và xã) theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội, tỉnh Quảng Ngãi đã đạt nhiều kết quả tích cực trong tinh gọn bộ máy, cải thiện hiệu quả điều hành. Tuy nhiên, lĩnh vực đất đai vẫn là “nút thắt” lớn nhất, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là ngành Nông nghiệp và Môi trường.

Thực tế tại nhiều địa phương cho thấy, đất đai là lĩnh vực phát sinh nhiều khó khăn nhất khi triển khai mô hình hai cấp. Các vướng mắc chủ yếu tập trung ở việc thiếu dữ liệu địa chính, chưa xác định rõ ranh giới sử dụng đất, chậm cập nhật hồ sơ chuyên tiếp và chưa thống nhất trong phân cấp, ủy quyền giải quyết hồ sơ.

Tại các xã miền núi, việc bàn giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng dân cư gặp trở ngại do ranh giới đất trên bản đồ không khớp với thực địa, hồ sơ pháp lý thiếu hoàn chỉnh. Ở khu vực đồng bằng, thủ tục tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất vẫn còn ách tắc; hàng



Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức các đoàn công tác hỗ trợ địa phương tháo gỡ khó khăn trong lĩnh vực đất đai

trăm hồ sơ tiếp nhận trước ngày 01/7/2025 - thời điểm mô hình hai cấp chính thức vận hành - chưa thể giải quyết dứt điểm do phần mềm quản lý và hệ thống liên thông giữa cơ quan thuế, đăng ký đất đai và cấp xã chưa đồng bộ.

Không ít nơi, việc chuyển giao hồ sơ từ cấp huyện về xã diễn ra gấp gáp, thiếu hướng dẫn thống nhất, dẫn đến sai sót, thiếu chứng từ. Cùng với đó, thiếu nhân lực, thiết bị công nghệ thông tin và phối giấy chứng nhận khiến việc xử lý hồ sơ phải làm thủ công, kéo dài thời gian giải quyết cho người dân.

Theo đánh giá của Sở Nông nghiệp và Môi trường

tỉnh Quảng Ngãi, phần lớn khó khăn bắt nguồn từ giai đoạn chuyển tiếp giữa mô hình ba cấp sang hai cấp, trong khi hệ thống pháp luật - đặc biệt là Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn như Nghị định số 151/2024/NĐ-CP - chưa có quy định cụ thể cho mô hình mới.

Thẩm quyền giải quyết thủ tục giữa cấp xã và cấp tỉnh trong nhiều trường hợp chưa được xác định rõ, dẫn đến lúng túng trong thực hiện. Việc cập nhật, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất theo địa giới hành chính mới cũng chưa kịp thời, khiến hồ sơ bị “treo” do không còn phù hợp với quy hoạch cũ.



Lãnh đạo UBND xã, phường, đặc khu còn nhiều lúng túng trong lĩnh vực đất đai

Cơ sở dữ liệu đất đai chưa hoàn chỉnh là một nguyên nhân lớn. Nhiều nơi còn thiếu hồ sơ địa chính gốc, dữ liệu số hóa không thống nhất giữa cơ quan đăng ký đất đai, thuế và chính quyền xã. Điều này làm chậm tiến độ cấp giấy chứng nhận, ảnh hưởng đến công tác thống kê, quy hoạch và quản lý biến động đất đai.

Bên cạnh đó, năng lực đội ngũ cán bộ địa chính cấp xã - nhất là tại các xã mới sáp nhập - chưa đáp ứng yêu cầu. Việc kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực khiến cán bộ khó tập trung chuyên môn, trong khi kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý đất đai và kiến thức pháp luật còn hạn chế.

Trước tình hình đó, ngành Nông nghiệp và Môi trường đã chủ động tham mưu, hướng dẫn các địa phương xử lý khó khăn, đóng vai trò nòng cốt trong việc tháo gỡ

“điểm nghẽn” thủ tục đất đai. Sở đã chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng Quản lý đất đai phối hợp các địa phương rà soát hồ sơ chuyển tiếp, ưu tiên giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận lần đầu, tách thửa, chuyển nhượng và chuyển mục đích sử dụng đất. Đồng thời, Sở phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai “đúng - đủ - sạch - sống”, kết nối liên thông toàn tỉnh.

Trên cơ sở tham mưu của ngành, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính đất đai thuộc thẩm quyền cấp xã, tạo hành lang pháp lý giúp cấp cơ sở chủ động hơn trong giải quyết yêu cầu của người dân.

Song song đó, ngành tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán

bộ địa chính cấp xã, trang bị kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý đất đai và cập nhật các quy định mới của Luật Đất đai 2024. Trong quý IV/2025, Sở dự kiến tổ chức các lớp tập huấn thực hành, cử cán bộ biệt phái chuyên môn hỗ trợ các xã mới sắp xếp, giúp tháo gỡ kịp thời các tình huống phát sinh.

Những nỗ lực của ngành Nông nghiệp và Môi trường đã giúp nhiều địa phương giải quyết dứt điểm hồ sơ tồn đọng, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. Tuy nhiên, để mô hình chính quyền hai cấp phát huy hiệu quả bền vững, Quảng Ngãi cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, quy trình và hạ tầng số, bảo đảm tính minh bạch và liên thông trong quản lý đất đai.

Với vai trò cơ quan quản lý chuyên ngành, Sở Nông nghiệp và Môi trường xác định nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2025 - 2026 là xây dựng hệ thống dữ liệu đất đai đồng bộ, thống nhất toàn tỉnh, góp phần hiện đại hóa công tác quản lý, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp. Khi dữ liệu được “số hóa - kết nối - chia sẻ”, thủ tục đất đai sẽ trở nên nhanh gọn, minh bạch, thể hiện tinh thần “chính quyền vì dân, hành chính phục vụ, phát triển bền vững” mà tỉnh Quảng Ngãi đang hướng tới.

GIẢI PHÁP CHĂN NUÔI AN TOÀN - NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH CHĂN NUÔI TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Thanh Hiền
Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Trong nhiều năm qua, ngành Nông nghiệp được xác định là trụ đỡ quan trọng của nền kinh tế, giữ vai trò then chốt trong việc bảo đảm an ninh lương thực, ổn định xã hội và phát triển kinh tế nông thôn. Tại Quảng Ngãi, cùng với trồng trọt và thủy sản, chăn nuôi và thú y đã có nhiều đóng góp thiết thực, giúp cải thiện đời sống người dân, tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho nông hộ.

Những năm gần đây, chăn nuôi Quảng Ngãi duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân trên 6%/năm. Cơ cấu giống vật nuôi thay đổi tích cực theo hướng nâng cao năng suất và giá trị gia tăng. Điểm nhấn là thành công trong lai tạo đàn bò vàng địa phương theo hướng Zebu hóa, nâng tỷ lệ bò lai toàn tỉnh đến cuối năm 2024 đạt trên 78,5%. Cùng với đó, việc nhập nội và nhân rộng các giống lợn ngoại như Yorkshire, Landrace, Duroc đã thúc đẩy quá trình cải tạo, nâng cao chất lượng đàn lợn theo hướng nạc hóa. Ngoài ra, tỉnh quan tâm bảo tồn nguồn gen quý hiếm của gà H're, heo Kiềng sắt, trâu địa phương, vừa giữ đa dạng sinh học, vừa tạo sản phẩm đặc sản có lợi thế cạnh tranh.



Trang trại chăn nuôi khép kín, đảm bảo an toàn dịch bệnh

Hiện nay, tổng đàn gia súc, gia cầm toàn tỉnh đạt quy mô lớn: 88.040 con trâu, 362.289 con bò, 526.025 con lợn và gần 8 triệu con gia cầm; toàn tỉnh có 245 trang trại quy mô vừa và lớn. Đây là cơ sở vững chắc để phát triển ngành chăn nuôi theo hướng hàng hóa, gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 và Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, ngành Nông nghiệp và Môi trường đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, hướng tới phát triển chăn nuôi an toàn, bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu. Quan điểm chỉ đạo là phát huy lợi thế vùng sinh thái, gắn phát triển sản xuất với đảm bảo an toàn dịch

bệnh, môi trường, an toàn thực phẩm và đáp ứng nhu cầu thị trường. Đặc biệt, Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 24/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật đã kịp thời giúp xử lý ổ dịch, hạn chế thiệt hại cho người chăn nuôi, thể hiện sự quyết liệt, đồng bộ trong chỉ đạo của tỉnh.

Những giải pháp trọng tâm trong thời gian tới

(i) Kiểm soát dịch bệnh và an toàn sinh học: Tỉnh đã ban hành nhiều kế hoạch phòng chống dịch nguy hiểm như Cúm gia cầm, Dịch tả lợn châu Phi, Lở mồm long móng, Viêm da nổi cục, bệnh Đại... Các cơ sở chăn nuôi khi tái đàn phải thực hiện kê khai, khử trùng, xử lý môi trường và đảm bảo an toàn sinh học.

(ii) Tổ chức lại sản xuất: Chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang kinh tế trang trại, hợp tác xã; phát triển theo chuỗi giá trị gắn chế biến, tiêu thụ. Khuyến khích các mô hình chăn nuôi sinh thái, tuần hoàn, hữu cơ, giảm thiểu phát thải, phù hợp xu thế nông nghiệp hiện đại.

(iii) Ứng dụng khoa học - công nghệ: Mở rộng thụ tinh nhân tạo cho trâu bò, áp dụng công nghệ xử lý chất thải thành phân hữu cơ, khí sinh học; từng bước đưa công nghệ số, cảm biến vào giám sát dịch bệnh, quản lý trang trại.

(iv) Chính sách tín dụng và đất đai: Ngân hàng được khuyến khích đơn giản hóa thủ tục vay vốn, hỗ trợ các hộ và doanh nghiệp chăn nuôi. Về đất đai, tỉnh chủ trương tập trung ruộng đất phát triển trang trại quy mô lớn, cho phép xây dựng hạ tầng phục vụ chăn nuôi như cơ sở giết mổ, kho lạnh, logistics, bảo quản sản phẩm.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, ngành chăn nuôi Quảng Ngãi đối mặt cả cơ hội và thách thức. Các tiêu chuẩn mới về an toàn thực phẩm, phát thải carbon thấp, truy xuất nguồn gốc, quy định như EUDR của EU đang đặt ra yêu cầu cao hơn cho sản phẩm chăn nuôi. Vì vậy, phát triển chăn nuôi an toàn sinh học vừa là giải pháp cấp bách, vừa là nền tảng hội nhập, nâng cao năng lực cạnh tranh. Bên cạnh đảm bảo an ninh lương thực, ngành chăn nuôi còn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế nông nghiệp. Để tận dụng cơ hội, Quảng Ngãi tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa chăn nuôi, gắn phát triển với bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống Nhân dân.

Giải pháp chăn nuôi an toàn sinh học chính là chìa khóa để phát triển bền vững ngành chăn nuôi Quảng Ngãi, phù hợp định hướng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”. Với sự chỉ đạo quyết liệt của tỉnh, sự hỗ trợ chính sách và sự đồng lòng của người chăn nuôi, tin tưởng ngành chăn nuôi Quảng Ngãi sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, trở thành điểm sáng của khu vực miền Trung, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn tới.

CANH TÁC LÚA “1 PHẢI, 5 GIẢM” THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ

 **Bùi Chiến Thắng**

*Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật
và Quản lý chất lượng*

Biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là cây lúa. Để thích ứng, ngành nông nghiệp đã hướng dẫn nông dân áp dụng kỹ thuật “1 phải, 5 giảm” nhằm giảm thiểu thiệt hại, nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm phát thải khí nhà kính - góp phần thực hiện cam kết phát thải ròng bằng 0 (Net Zero) vào năm 2050.

Tại Quảng Ngãi, nhiều địa phương đã triển khai mô hình sản xuất lúa “1 phải, 5 giảm” và mang lại hiệu quả rõ rệt. **“1 phải”**: Phải sử dụng giống lúa cấp xác nhận. **“5 giảm”**: Giảm lượng giống gieo sạ, giảm lượng nước tưới, giảm lượng phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật, giảm thất thoát sau thu hoạch.

Việc dùng giống xác nhận giúp đảm bảo hạt khỏe, ít nhiễm bệnh, sinh trưởng đồng đều, cho năng suất và chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thị trường. Nông dân được hướng dẫn gieo sạ mật độ hợp lý 90 - 100 kg/ha, giảm 20 - 30 kg/ha so với trước nhưng vẫn đảm bảo năng suất nhờ kết hợp đồng bộ kỹ thuật làm đất, bón phân cân đối, điều tiết nước hợp lý. Bón phân theo nguyên tắc “5 đúng” giúp cây hấp thu hiệu quả, hạn chế thất thoát và ô nhiễm môi trường.

Trong canh tác truyền thống, ruộng lúa ngập nước liên tục tạo môi trường yếm khí, phát thải nhiều khí CH₄ - tác nhân gây hiệu ứng nhà kính. Trung bình 1 ha lúa nước phát thải 6 - 8 tấn CO₂ mỗi vụ. Để giảm phát thải, kỹ thuật tưới “**ngập khô xen kẽ**” được khuyến

cáo áp dụng: chỉ cho nước khi ruộng khô 15 cm, giữ mực nước 3 - 5 cm tùy giai đoạn sinh trưởng. Biện pháp này giúp rễ lúa phát triển tốt, hạn chế bệnh hại và giảm đáng kể khí phát thải. Với vùng không đủ điều kiện thủy lợi, có thể rút nước giữa vụ trước khi phân hóa đồng.

Sinh vật gây hại lúa cũng là mối quan tâm thường xuyên của nhà nông từ lúc gieo sạ cho đến lúc thu hoạch. Nhiều nông dân vẫn xem việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật là ưu tiên hàng đầu trong việc phòng trừ sinh vật gây hại dẫn đến tình trạng lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật gây mất cân bằng sinh thái, bộc phát sinh vật gây hại, ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp, tăng nguy cơ tồn dư hóa chất bảo vệ thực vật trong nông sản. Vấn đề này được giải quyết thông qua biện pháp quản lý sinh vật gây hại tổng hợp (IPM) tức là phải thực hiện nhiều biện pháp kỹ thuật đồng bộ từ khâu làm đất, chọn giống, mật độ gieo sạ, bón phân, bảo tồn các loại sinh vật có ích (thiên địch - kẻ thù tự nhiên của sinh vật gây hại), thường xuyên kiểm tra đồng ruộng nhằm phát hiện và xử lý kịp thời... hạn chế sử dụng các loại thuốc trừ sâu đối với cây lúa giai đoạn dưới 40 ngày tuổi. Chỉ sử dụng thuốc khi thật cần thiết và lựa chọn các loại thuốc sinh học nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu



Nhện linh miêu (*Oxyopes* sp) đang săn mồi trên ruộng lúa ứng dụng “1 phải, 5 giảm”

cực đến các loài thiên địch.

Khuyến cáo nông dân nên thu hoạch khi 85-90 % số hạt lúa trên bông chín vàng, không nên để lúa chín hoàn toàn trên đồng ruộng vì hạt lúa sẽ rụng nhiều khi gặt gây thất thoát không nhỏ. Sau khi thu hoạch phải tiến hành phơi, sấy hạt lúa đạt độ ẩm dưới 14% để hạn chế giảm chất lượng gạo và quá trình bảo quản được tốt hơn. Đồng thời, tận dụng rơm rạ làm thức ăn cho gia súc, ủ phân bón hữu cơ, làm giá thể sản xuất nấm... để tăng thêm thu nhập. Tuyệt đối không được

đốt rơm rạ hoặc để rơm rạ phân hủy trên ruộng ngập nước nhằm giảm phát thải khí CO_2 , CH_4 ...

Theo thống kê, giai đoạn từ năm 2023 - 2024, Quảng Ngãi đã triển khai 15 mô hình sản xuất lúa “1 phải, 5 giảm” với diện tích khoảng 30 ha. Tính trung bình mỗi ha sản xuất lúa áp dụng “1 phải, 5 giảm” đã giảm 15% lượng giống gieo sạ, giảm 10% lượng phân đạm, giảm 3 lần phun thuốc bảo vệ thực vật, giảm 2 lần tưới nước, hiệu quả kinh tế mang lại cao hơn từ 5 - 7 triệu đồng/ha so với

ruộng không áp dụng. Những nông dân tham gia mô hình đã hiểu rõ những đặc điểm sinh trưởng, phát triển của cây lúa, sâu bệnh hại và thiên địch qua từng giai đoạn để có biện pháp canh tác phù hợp. Tuy nhiên, để mô hình này được triển khai trên toàn bộ các cánh đồng lúa, đóng góp vào chuỗi giá trị gia tăng trong sản xuất lúa tại các địa phương trong tỉnh cần có sự tích cực phối hợp đồng bộ từ các sở ban, ngành đến chính quyền cấp xã. Các địa phương cần nâng cấp hệ thống kênh mương nội đồng để việc ứng dụng tưới tiêu “ngập khô xen kẽ” thuận lợi, tích cực tuyên truyền hướng dẫn nông dân áp dụng kỹ thuật sạ hàng, bón vùi phân và nhân rộng mô hình trên những cánh đồng lớn để nâng cao hiệu quả.

Ứng dụng “1 phải, 5 giảm” trong canh tác lúa là giải pháp mang lại hiệu quả kép vừa sản xuất lúa thích ứng biến đổi khí hậu, giảm phát thải vừa nâng cao hiệu quả kinh tế. Những biện pháp tiết giảm chi phí vật tư đầu vào, giảm phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật, phương pháp tưới nước phù hợp, sử dụng rơm rạ hiệu quả, giảm phát thải khí nhà kính giúp gia tăng thu nhập của người nông dân và giảm thiểu hiện tượng biến đổi khí hậu, góp phần đáng kể vào việc thực hiện cam kết giảm phát thải ròng về 0 vào năm 2050 của Việt Nam.

THÍCH ỨNG QUY ĐỊNH KHÔNG GÂY MẤT RỪNG (EUDR) - CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

✍ Nguyễn Thị Kim Phi
Chi cục Kiểm lâm

Ngày 31/5/2023, Liên minh châu Âu (EU) đã ban hành Quy định số 1115/2023, còn gọi là EUDR - Quy định chống mất rừng và suy thoái rừng. Theo đó, kể từ cuối năm 2024, tất cả sản phẩm thuộc 7 nhóm hàng hóa chính (*gỗ, cao su, cà phê, ca cao, dầu cọ, đậu nành, thịt bò*) và các sản phẩm phái sinh (*đồ nội thất, ván ép, gỗ dán, gỗ MDF; giấy, bì carton, bút chì gỗ; bao bì gỗ, pallet*) muốn xuất khẩu vào thị trường EU phải đáp ứng hai yêu cầu bắt buộc: không liên quan đến mất rừng và tuân thủ pháp luật của nước sản xuất.

Trong bối cảnh cả nước thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và yêu cầu khai thác tài nguyên rừng, cụ thể là gỗ hợp pháp trở nên cấp thiết. Việc hợp nhất Quảng Ngãi và Kon Tum thành một tỉnh mới - tỉnh Quảng Ngãi với diện tích hơn 14.832 km², dân số trên 2 triệu người, có tới 43 dân tộc anh em sinh sống, đã mở ra nhiều điều kiện thuận lợi. Hiện nay, diện tích đất có rừng của tỉnh đạt khoảng 966.900 ha, đứng thứ 4 cả nước, tỷ lệ che phủ rừng



Rừng trồng Keo năm 3 tại xã Bình Sơn

đạt 59,45%. Định hướng đến năm 2030, diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh đạt khoảng 920.000 ha (*rừng đặc dụng 115.310 ha, rừng phòng hộ 263.930 ha, rừng sản xuất 540.010 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 60%*). Trong đó diện tích rừng sản xuất chiếm hơn một nửa, tạo dư địa lớn để phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với yêu cầu bền vững.

Trong những năm qua, ngành lâm nghiệp Quảng Ngãi đã chủ động thực hiện một số giải pháp nhằm chuyển những thách thức thành cơ

hội cho lĩnh vực lâm nghiệp tỉnh nhà, như: Từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu số về đất lâm nghiệp, về rừng gắn từng lô rừng với những thông tin tương đối rõ ràng để đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc của EUDR. Cùng với đó, thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp với chủ rừng, giữa các chủ rừng với nhau, thực hiện hỗ trợ người trồng rừng tham gia các nhóm hộ hoặc hợp tác xã, hỗ trợ kinh phí để được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.... thay vì để từng hộ nhỏ lẻ tự xoay xở. Ngoài ra, đối với doanh nghiệp tỉnh khuyến khích đầu tư vào chế biến sâu, tạo ra sản phẩm gỗ có giá trị cao, không cấp phép đầu tư mới đối với các nhà máy chế biến hoàn toàn dăm gỗ. Bên cạnh đó, Quảng Ngãi cũng cần tranh thủ các dự án trong và ngoài nước về thực hiện bảo vệ rừng, đào tạo, tập huấn nguồn nhân lực để nâng cao năng lực nhằm từng bước cải thiện, đáp ứng những quy định mới.

EUDR đang tạo nên làn sóng thay đổi lớn trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong giai đoạn tới để thích ứng với EUDR, đối với lĩnh vực lâm nghiệp tỉnh nhà sẽ có nhiều cơ hội, như:

Thứ nhất, EUDR thúc đẩy quá trình chuyển đổi quản lý rừng từ nhỏ lẻ sang có chứng chỉ quản lý rừng, truy xuất nguồn gốc rõ ràng, qua đó tạo động lực để ngành lâm nghiệp địa phương phát triển



Rừng Thông ba lá tại xã Măng Đen

bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Thứ hai, với hơn 170.000 ha rừng trồng (*chủ yếu là keo, thông, lồi thọ*), khi đáp ứng được tiêu chuẩn EUDR, gỗ rừng trồng Quảng Ngãi không chỉ tiêu thụ trong nước hay xuất sang thị trường truyền thống mà còn có thể trực tiếp vào EU với giá trị và tính ổn định cao hơn.

Thứ ba, quy định này cũng tạo điều kiện thu hút đầu tư công nghệ chế biến sâu, hình thành chuỗi cung ứng minh bạch. Nếu có hệ thống dữ liệu đất rừng và bản đồ số hóa vùng nguyên liệu đồng bộ, các doanh nghiệp chế biến gỗ của tỉnh sẽ trở thành điểm đến hấp dẫn cho nhà đầu tư.

Thứ tư, việc thực thi EUDR còn giúp nâng cao vị thế ngành gỗ Quảng Ngãi trên trường quốc tế, khẳng định hình ảnh “ngành gỗ

sạch, thân thiện môi trường”, đồng thời mở ra cơ hội tiếp nhận các dự án quốc tế về bảo tồn và phát triển chuỗi cung ứng xanh.

Bên cạnh những cơ hội mới, ngành lâm nghiệp cũng đang đối mặt với những thách thức nhất định:

Một là, yêu cầu nghiêm ngặt về truy xuất nguồn gốc EUDR quy định mọi sản phẩm gỗ phải có thông tin chính xác về tọa độ lô đất, chứng minh không liên quan đến mất rừng sau ngày 31/12/2020. Trong khi đó, phần lớn diện tích rừng trồng Quảng Ngãi được quản lý bởi hộ gia đình nhỏ lẻ, chưa có hệ thống hồ sơ đất đai, thiếu dữ liệu số hóa, đây là rào cản lớn nhất.

Hai là, chi phí cao trong chứng nhận và tuân thủ để được công nhận đạt chuẩn, doanh nghiệp và hộ dân phải

chi phí đáng kể cho cấp và duy trì chứng chỉ FSC/PEFC/VFCS với hơn 176.640,27 ha rừng trồng keo quy mô dưới 5 ha/hộ là rất lớn.

Ba là, nguy cơ mất thị trường nếu chậm thích ứng EU là thị trường gỗ cao cấp, nếu Quảng Ngãi không kịp đáp ứng yêu cầu EUDR, nguy cơ bị loại khỏi chuỗi cung ứng là hiện hữu. Điều này có thể kéo theo việc phụ thuộc hơn vào thị trường tiêu thụ truyền thống, vốn đã tiềm ẩn nhiều rủi ro về giá cả và tính bền vững.

Bốn là, hạ tầng dữ liệu và năng lực quản lý trong những năm qua đã được trang bị, cải thiện đáng kể, tuy nhiên vẫn còn hạn chế để thực hiện EUDR, cần hệ thống dữ liệu không gian chính xác về rừng trồng, đất rừng, chuỗi cung ứng.

Thích ứng với EUDR là một bước ngoặt lớn đối với lâm nghiệp Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng. Dù có nhiều thách thức, quy định này cũng mở ra cơ hội để địa phương tái cơ cấu lĩnh vực lâm nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao giá trị và hội nhập quốc tế, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, xanh và bền vững, góp phần thực hiện vào mục tiêu chung để phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho tỉnh nhà.

TỈNH QUẢNG NGÃI DỰ KIẾN THÀNH LẬP KHU DTTN TÂY BA TƠ TRONG NĂM 2025

*Tân Quỳnh Lê
Chi cục Kiểm lâm*

Theo Luật Lâm nghiệp năm 2017 và Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Khu Dự trữ thiên nhiên (DTTN) là một loại rừng đặc dụng có hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, là sinh cảnh của ít nhất 5 loài thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; có giá trị khoa học, giáo dục, du lịch sinh thái; bảo đảm diện tích tối thiểu 5.000 ha, trong đó ít nhất 90% là hệ sinh thái rừng.

Theo kết quả điều tra của Tổ chức Fauna & Flora International (FFI), khu vực đề xuất thành lập Khu DTTN Tây Ba Tơ có 698 loài thực vật rừng, trong đó 45 loài

nguy cấp, quý, hiếm có giá trị kinh tế và khoa học cao. Hệ động vật ghi nhận 316 loài thuộc 85 họ, 28 bộ, trong đó có đến 261 loài quý hiếm cần ưu tiên bảo tồn, chiếm 82,5% tổng số loài.

Đặc biệt, điều tra của FFI và Trung tâm Bảo tồn đa dạng sinh học Nước Việt Xanh phát hiện 11 đàn Chà vá chân xám (ước tính 107-175 cá thể) và 4 đàn Vượn má vàng Trung bộ. Đây là những loài linh trưởng đặc hữu của Việt Nam, được Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên (IUCN) xếp ở mức cực kỳ nguy cấp (CR) và thuộc Phụ lục I Công ước CITES cũng như Nhóm IB Nghị định 84/2021/NĐ-CP.

Dự án bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi



FFI tọa đàm phát triển sinh kế bền vững

do FFI tài trợ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 25/5/2023, nhằm bảo vệ khu rừng giàu động vật hoang dã và trữ lượng cacbon cao thuộc huyện Ba Tơ (cũ) và vùng lân cận Trung Trường Sơn. Một trong những mục tiêu trọng tâm của dự án là xúc tiến thành lập Khu rừng đặc dụng Tây Ba Tơ.

Ngày 21/02/2024, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã cho ý kiến thống nhất chủ trương thành lập Khu DTTN Tây Ba Tơ, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm lập đề cương nhiệm vụ và dự toán dự án. Đến ngày 04/3/2025, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các đơn vị phối hợp với Phân viện Điều tra Quy hoạch rừng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên - đơn vị tư vấn do FFI lựa chọn - khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, phần đầu trình phê duyệt thành lập Khu DTTN Tây Ba Tơ trong năm 2025.

Đến nay, công tác thẩm định dự án cơ bản hoàn tất, xác định rõ mục tiêu: bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái tự nhiên; quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên rừng; nâng cao vai trò phòng hộ đầu nguồn sông Vệ, sông Trà Khúc; bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm; góp phần phát triển sinh kế, kinh tế

xanh và đảm bảo quốc phòng - an ninh khu vực.

Khu DTTN Tây Ba Tơ có diện tích tự nhiên 16.678 ha, thuộc hai xã Ba Xa và Ba Tô. Trong đó: Rừng đặc dụng: 16.673 ha (98,8% diện tích có rừng); đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp: 4,87 ha. Khu vực được chia thành 3 phân khu: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 9.306 ha (55,8%); phân khu phục hồi sinh thái: 7.147 ha (42,9%); phân khu dịch vụ - hành chính: 224 ha (1,3%). Tổng kinh phí thực hiện dự án đến năm 2035 dự kiến 173,1 tỷ đồng.

Khi được thành lập, Khu DTTN Tây Ba Tơ sẽ triển khai 7 chương trình trọng tâm: (1) Bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng: Cấm mớ rừng, giao khoán bảo vệ rừng, tuần tra, tuyên truyền, xây dựng phương án PCCC. (2) Phục hồi sinh thái rừng: Trồng rừng đặc dụng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, trồng cây cảnh quan. (3) Nghiên cứu khoa học và đào tạo năng lực: Hợp tác với các viện, trường, tổ chức quốc tế trong nghiên cứu và đào tạo cán bộ bảo tồn. (4) Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học: Xây dựng cơ sở dữ liệu, vườn thực vật, khu cứu hộ sinh vật. (5) Hoàn thiện cơ sở hạ tầng: Xây dựng trụ sở Ban Quản lý, trung tâm giáo

dục thiên nhiên, đường tuần tra, chòi quan sát, nhà trưng bày mẫu vật, mua sắm trang thiết bị. (6) Phát triển du lịch sinh thái và dịch vụ môi trường rừng: Tạo sản phẩm du lịch sinh thái gắn với bảo tồn. (7). Phát triển kinh tế - xã hội vùng đệm: Nâng cao đời sống người dân, giảm áp lực lên tài nguyên rừng.

Việc thành lập Khu DTTN Tây Ba Tơ là bước tiến quan trọng của tỉnh Quảng Ngãi trong công tác bảo tồn thiên nhiên, khẳng định nỗ lực của địa phương trong thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn 2050. Khu DTTN này không chỉ bảo vệ các giá trị sinh thái đặc trưng của vùng Tây Ba Tơ mà còn mở rộng mạng lưới liên kết bảo tồn liên vùng với Khu bảo tồn An Toàn và Kon Chư Răng tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai), góp phần hình thành hành lang sinh học liên tục ở Trung Trường Sơn.

Khi đi vào hoạt động, Khu DTTN Tây Ba Tơ sẽ mở ra nhiều cơ hội hợp tác quốc tế về bảo tồn, nghiên cứu khoa học, du lịch sinh thái và dịch vụ môi trường rừng; đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng trong bảo vệ tài nguyên rừng, hướng đến phát triển xanh và bền vững cho tỉnh Quảng Ngãi.

PHÁT TRIỂN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TỈNH QUẢNG NGÃI, TIỀM NĂNG VÀ CƠ HỘI

✍ Nguyễn Văn Hùng

Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường

Trong những năm gần đây, hoạt động nuôi trồng thủy sản đã và đang khẳng định vai trò quan trọng trong cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi. Với tiềm năng mặt nước phong phú, trải dài từ vùng biển, đảo đến hệ thống hồ chứa nội địa, Quảng Ngãi có nhiều lợi thế để phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng đa dạng, hiện đại và bền vững.

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội ban hành ngày 12/6/2025, về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Quảng Ngãi có diện tích tự nhiên hơn 14.800 km², đường bờ biển dài 130 km, cùng hệ thống hồ, đập và vùng nước lợi rộng lớn. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển các loại hình nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ và nước ngọt.

Hiện toàn tỉnh có hơn 2.300 ha diện tích nuôi thủy sản, trong đó khoảng 430 ha nuôi nước lợ, 1.930 ha nuôi nước ngọt. Sản lượng 9 tháng đầu năm 2025 đạt hơn 10.100 tấn, tăng gần 3% so với cùng kỳ. Các mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng, ốc hương, cá lồng trên biển tại Lý Sơn, Sa Huỳnh, Sa Kỳ đang mang lại



Hội nghị Phát triển nuôi trồng thủy sản - Tiềm năng và cơ hội

hiệu quả kinh tế cao, góp phần quan trọng vào phát triển sinh kế và giảm nghèo cho người dân ven biển.

Lãnh đạo đặc khu Lý Sơn cho biết: “*Lý Sơn sở hữu điều kiện rất lý tưởng cho việc nuôi trồng các loài đặc sản có giá trị cao như tôm hùm, cá mú, cá bóp, cá chim vây vàng... bằng lồng bè. Vùng mặt nước quanh đảo có độ sâu lớn, dòng chảy ổn định, rất thuận lợi cho phát triển nuôi biển. Theo quy hoạch tổng thể giai đoạn 2015 - 2025, huyện đã dành 50 ha tại 7 điểm vùng nước để phát triển nuôi trồng thủy sản*”.

Cùng với đó, ngành thủy sản tỉnh đã đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong

sản xuất. Mô hình nuôi cá lồng bè bằng vật liệu HDPE được triển khai rộng rãi trên sông, hồ và vùng biển ven bờ. Đại diện Hợp tác xã Thủy Sâm Sông Trà cho biết: “*Sơ với lồng tre, lồng gỗ trước đây, lồng HDPE có nhiều ưu điểm: độ bền cao, chịu sóng gió tốt, ít hư hỏng, an toàn hơn trong mưa bão và thân thiện với môi trường. Mô hình giúp kiểm soát chất lượng nước, hạn chế dịch bệnh và cho sản phẩm cá sạch, đạt tiêu chuẩn cao hơn*”.

Theo Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, hoạt động nuôi trồng thủy sản của Quảng Ngãi thời gian qua có nhiều chuyển biến tích cực, song vẫn tồn tại không ít khó

khăn. Một số vùng nuôi nước lợ và ven biển đang chịu áp lực môi trường do mật độ nuôi cao, thiếu ao lắng và hạ tầng xử lý nước thải. Kết quả quan trắc cho thấy khoảng 40% mẫu nước vượt giới hạn cho phép ở các chỉ tiêu như độ mặn, oxy hòa tan, *Vibrio* spp. và hàm lượng dinh dưỡng hữu cơ.

Bên cạnh đó, dịch bệnh trên tôm, ốc hương và cá lồng vẫn xuất hiện rải rác; sản xuất còn manh mún, tự phát; cơ sở hạ tầng vùng nuôi chưa đồng bộ. Việc sử dụng thuốc, hóa chất trong phòng trị bệnh chưa được kiểm soát chặt chẽ, trong khi thị trường tiêu thụ thiếu ổn định, chưa hình thành chuỗi liên kết từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đây là những thách thức lớn đối với mục tiêu phát triển thủy sản bền vững của tỉnh.

Cục Thủy sản và Kiểm ngư (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) đánh giá: Quảng Ngãi có tiềm năng lớn để phát triển nuôi trồng thủy sản hiện đại, gắn với bảo vệ môi trường và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, để khai thác hiệu quả lợi thế, ngành thủy sản cần đổi mới phương thức sản xuất, nâng cao giá trị sản phẩm và tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị. Trong giai đoạn tới, Quảng Ngãi cần định hướng phát triển thủy sản theo hướng bền vững - hiện đại - hội nhập, tập

trung vào ba trụ cột chính: (i) Chuyển đổi phương thức nuôi từ nhỏ lẻ sang quy mô công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao như lồng HDPE, hệ thống tuần hoàn RAS, giám sát môi trường bằng IoT. (ii) Nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm, hướng đến đạt chuẩn VietGAP, ASC, GlobalGAP; xây dựng thương hiệu “Thủy sản Quảng Ngãi - Biển xanh, nuôi sạch”. (iii) Phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, kết hợp nuôi trồng với du lịch sinh thái, hình thành chuỗi giá trị khép kín từ giống - nuôi - chế biến - tiêu thụ. Ngoài ra, tỉnh cần đẩy mạnh quy hoạch vùng nuôi biển công nghiệp tại Lý Sơn, Sa Huỳnh, Sa Kỳ; đầu tư hệ thống hạ tầng, trung tâm quan trắc môi trường, cảnh báo dịch bệnh; đồng thời, mở rộng chính sách tín dụng xanh hỗ trợ người dân chuyển đổi sang mô hình nuôi thân thiện với môi trường.

Giai đoạn 2026 - 2030, Quảng Ngãi đặt mục tiêu đạt 52.000 tấn sản lượng nuôi trồng thủy sản/năm, trong đó nuôi nước lợ 12.000 tấn, nước ngọt 39.000 tấn và nuôi biển 1.000 tấn. Để đạt mục tiêu này, theo Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Đức Bình, tỉnh cần tập trung vào năm nhóm giải pháp trọng tâm:

(i) Hoàn thiện cơ chế, chính sách: Ban hành chính sách đặc thù thu hút đầu tư,

khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao. (ii) Phát triển hạ tầng vùng nuôi: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, đầu tư hệ thống điện, đường giao thông, xử lý nước thải, quan trắc môi trường tại các vùng nuôi tập trung. (iii) Ứng dụng khoa học - công nghệ: Mở rộng mô hình nuôi tuần hoàn, nuôi hữu cơ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và số hóa trong quản lý sản xuất. (iv) Phát triển nguồn giống và nhân lực: Xây dựng cơ sở sản xuất giống chất lượng, đào tạo cán bộ kỹ thuật, hướng dẫn người nuôi áp dụng quy trình an toàn sinh học. (v) Tăng cường liên kết sản xuất - tiêu thụ: Hình thành chuỗi giá trị từ giống, nuôi, chế biến đến tiêu thụ; phát triển thương hiệu thủy sản Quảng Ngãi gắn với truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn quốc tế.

Với quyết tâm đổi mới và tầm nhìn chiến lược, ngành Nông nghiệp và Môi trường Quảng Ngãi đang nỗ lực xây dựng nền thủy sản xanh, hiện đại, hiệu quả và bền vững. Sự phát triển của ngành không chỉ góp phần nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn ven biển, mà còn đóng vai trò quan trọng trong thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế biển quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045, hướng tới một nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại và hội nhập quốc tế.

ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TÀU THUYỀN KHAI THÁC HẢI SẢN TRONG MÙA MƯA BÃO NĂM 2025

 **Nguyễn Thanh Bình**
Chi cục Thủy sản - Biển đảo

Quảng Ngãi là tỉnh ven biển Nam Trung Bộ có bờ biển dài khoảng 130 km với 6 cửa lạch chính gồm Sa Cần, Sa Kỳ, Cổ Lũy, Cửa Lở, Mỹ Á và Sa Huỳnh. Toàn tỉnh hiện có 4.902 tàu cá với tổng công suất hơn 1,8 triệu CV, trong đó tàu có chiều dài từ 15m trở lên chiếm hơn 60%. Ngư trường hoạt động của ngư dân Quảng Ngãi trải dài khắp vùng biển Việt Nam, đặc biệt tại khu vực quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa - những vùng biển truyền thống có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, an ninh và chủ quyền quốc gia.

Những năm gần đây, tình hình thiên tai, bão lũ diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường, gây thiệt hại lớn đến tính mạng, tài sản của ngư dân. Do đó, công tác bảo đảm an toàn cho tàu thuyền và ngư dân trong mùa mưa bão được các cấp, các ngành trong tỉnh đặc biệt quan tâm, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

Hiện nay, Quảng Ngãi có 2 cảng cá và 3 khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá (Tịnh Kỳ, Sa Huỳnh, Mỹ Á, Tịnh Hòa và Lý Sơn). Các khu neo đậu được đầu tư xây



Quảng Ngãi từng bước xây dựng các cảng, vùng neo đậu đảm bảo an toàn cho tàu cá trong mùa mưa, bão

dựng cơ bản đáp ứng yêu cầu trú bão của tàu cá, tuy nhiên sức chứa vẫn còn hạn chế so với số lượng tàu thuyền trong tỉnh; nhiều khu vực neo đậu khác vẫn phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn khi có bão lớn.

Để chủ động ứng phó với mưa bão, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chỉ đạo Chi cục Thủy sản phối hợp với Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát giao thông đường thủy và chính quyền địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn kiến thức phòng chống thiên tai, kỹ năng đi biển an toàn, các quy định về an toàn hàng hải, đặc biệt là đối với tàu hoạt động ban đêm. Đồng thời, cung cấp cho ngư dân tần số liên lạc của các cơ quan chức năng để

kịp thời cầu cứu khi gặp sự cố hoặc thời tiết nguy hiểm.

Công tác kiểm tra, kiểm soát tàu cá trước khi ra khơi được thực hiện nghiêm túc. Lực lượng chức năng kiên quyết không cho tàu ra biển nếu chưa đăng ký, đăng kiểm, chưa được cấp phép hoạt động hoặc thiếu các trang thiết bị an toàn bắt buộc. Các Ban quản lý cảng cá và Văn phòng đại diện kiểm soát nghề cá tỉnh thường xuyên tổ chức kiểm tra, hướng dẫn chủ tàu, thuyền trưởng chấp hành quy định về an toàn, phòng chống cháy nổ, bố trí neo đậu hợp lý nhằm tránh va chạm, hư hỏng tàu thuyền trong khu vực trú bão.

Ngoài ra, Sở Nông nghiệp và Môi trường cũng chỉ đạo các đơn vị liên quan thường

xuyên nạo vét luồng lạch ra vào cảng, bảo đảm thông thoáng để tàu thuyền vào trú bão an toàn; xây dựng và cập nhật phương án ứng phó các tình huống thời tiết cực đoan. Tổ chức trực ban 24/24 giờ trong thời điểm có áp thấp, bão gần bờ để hướng dẫn, thông tin kịp thời cho ngư dân.

Song song đó, công tác đăng ký, đăng kiểm, cấp phép hoạt động khai thác thủy sản được triển khai chặt chẽ; các tàu cá đủ điều kiện đều được cấp phép, trong khi những tàu không đủ điều kiện được hướng dẫn khắc phục hoặc xem xét xử lý theo quy định. Việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá được thực hiện đồng bộ, vừa phục vụ công tác quản lý nghề cá, vừa góp phần hỗ trợ tìm kiếm cứu nạn, bảo đảm an toàn cho ngư dân trên biển.

Đặc biệt, đối với nhóm tàu có chiều dài dưới 12 mét - thường hoạt động ven bờ và ít trang bị an toàn - chính quyền và cơ quan chức năng tỉnh đã triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn ngư dân neo đậu an toàn, không ở lại trên tàu khi bão đổ bộ, đồng thời tổ chức kiểm tra, sắp xếp tàu thuyền theo thứ tự khoa học tại các điểm tránh trú bão, hạn chế tối đa rủi ro va đập và cháy nổ.

Với sự chủ động, quyết liệt của các cấp, các ngành và ý thức ngày càng cao của ngư dân, công tác bảo đảm an toàn cho tàu thuyền khai thác hải sản trong mùa mưa bão năm 2025 tại Quảng Ngãi được kỳ vọng sẽ đạt hiệu quả thiết thực, góp phần bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, giữ vững hoạt động sản xuất, ổn định sinh kế và trật tự trên các vùng biển của tỉnh.

Tăng cường kiểm tra, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, đề điều trước mùa mưa lũ năm 2025

✍ **Đào Công Trí**
Chi cục Thủy lợi

Sau khi sáp nhập với địa bàn Kon Tum cũ, toàn tỉnh Quảng Ngãi hiện có khoảng 1.435 công trình thủy lợi đang hoạt động, phục vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp và các ngành kinh tế khác. Trong đó có 213 hồ chứa nước (46 hồ lớn, 63 hồ vừa, 102 hồ nhỏ), 1.061 đập dâng, 10 đập ngăn mặn, 151 trạm bơm và hơn 5.000 km kênh mương các loại (đã kiên cố hóa hơn 64%). Mỗi năm, hệ thống thủy lợi này đảm bảo tưới cho hơn 111.000 ha cây trồng, cung cấp trên 14,6 triệu m³ nước thô cho sinh hoạt và công nghiệp.

Bên cạnh đó, hệ thống đề điều của tỉnh có khoảng 77 km đề sông, đề biển và đề cửa sông, hơn 93 km kè bảo vệ bờ và 4,1 km mỏ hàn, góp phần quan trọng trong phòng, chống lũ, xâm nhập mặn và sạt lở bờ sông, bờ biển, phục vụ công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và UBND tỉnh, hằng năm trước mùa mưa lũ, Sở Nông nghiệp và Môi trường Quảng Ngãi chủ trì hướng dẫn, tổ chức kiểm tra tổng thể công tác bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, đề điều. Các đoàn kiểm tra tiến hành đánh giá thực tế, phát hiện hư hỏng, sự cố có nguy cơ gây mất an toàn để đề xuất biện pháp xử lý, đồng thời lập danh mục công trình xuống cấp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí sửa chữa, khắc phục kịp thời. Kết quả kiểm tra năm 2025, cụ thể:

Đối với hồ chứa nước thủy lợi và hệ thống kênh mương

Phần lớn công trình được xây dựng trước năm 1989. Nhờ nguồn vốn đầu tư từ Trung ương và địa phương, nhiều hồ chứa đã được sửa chữa, nâng cấp, cơ bản đáp ứng yêu cầu an toàn trong mùa mưa lũ. Tuy nhiên, vẫn còn 16 hồ chứa xuống cấp, có nguy

cơ mất an toàn cao, do lòng hồ bị bồi lắng lớn, đập đất bị thấm, mái thượng lưu sạt lở, tràn xả lũ chưa kiên cố hoặc cống lấy nước rò rỉ, hư hỏng cửa van, đường quản lý công trình chưa được gia cố, dễ bị xói lở trong mưa lớn. Tỷ lệ kênh chưa kiên cố hóa còn khá lớn (khoảng 55,7%), nhiều đoạn bị xói lở, bồi lấp sau mỗi mùa mưa bão, ảnh hưởng đến hiệu quả tưới tiêu và an toàn công trình.

Đối với cống, đập dâng và trạm bơm:

Một số công trình ngăn mặn như Khê Hòa, Hiền Lương, Cầu Chùa bị xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo ngăn mặn và thoát lũ. Ở vùng miền núi, nhiều đập dâng bị xói lở hạ lưu, hư hỏng lớp bê tông mặt tràn; nhiều trạm bơm có thiết bị cũ, công suất thấp, ảnh hưởng đến khả năng vận hành.

Đối với công trình đê điều:

Toàn tỉnh có 77,2 km đê, gồm 63,9 km đê ngăn mặn và 13,2 km đê chống lũ trên sông. Đa số đê biển, đê cửa sông có cao trình và mặt cắt đảm bảo an toàn theo thiết kế. Tuy nhiên, một số tuyến đê đất được đắp thủ công từ những năm 1980 như đê Tre Làng (Bình Minh - Bình Trung) và đê Gò Hường (bờ Bắc sông Trà Bồng) chỉ đủ khả năng chống lũ nhỏ, không đáp ứng yêu cầu chống lũ chính vụ.



Đập ngăn mặn Bình Phước

Thực hiện quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước:

Công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa nước được triển khai nghiêm túc theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Hầu hết đập, hồ chứa đã đăng ký an toàn, có quy trình vận hành, bảo trì, phương án ứng phó thiên tai và tình huống khẩn cấp; lắp đặt thiết bị quan trắc, cảnh báo vùng hạ du đối với hồ có cửa van điều tiết; cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ; phê duyệt phương án bảo vệ công trình, góp phần nâng cao năng lực quản lý, giảm thiểu rủi ro trong mùa mưa lũ.

Giải pháp bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, đê điều thời gian tới:

Trên cơ sở đánh giá thực trạng, ngành thủy lợi Quảng Ngãi xác định các nhiệm vụ trọng tâm: (i) Hoàn thiện phân cấp quản lý, khai thác

công trình theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, xác định rõ trách nhiệm từng cấp, từng đơn vị. (ii) Kiện toàn tổ chức quản lý, tăng cường năng lực đơn vị khai thác công trình; kiểm tra, xử lý vi phạm trong quản lý, khai thác, bảo vệ công trình. (iii) Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ theo Nghị định 114/2018/NĐ-CP, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý, duy tu, bảo dưỡng đê điều, kè chống sạt lở. (iv) Chủ động sử dụng nguồn thu từ khai thác công trình để bảo trì, sửa chữa hư hỏng nhỏ, đột xuất, đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp công trình thủy lợi, đê, kè bảo đảm an toàn trước lũ chính vụ năm 2025. (v) Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn lực thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày

22/8/2025), ưu tiên các dự án: (1) Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu. (2) Sửa chữa, nâng cấp 15 hồ chứa bảo đảm an toàn đập, an ninh nguồn nước. (3) Hồ chứa nước Đăk PoKei (giai đoạn 2). (4) Hồ chứa nước thôn 7, xã Đăk Mar. (5) Đập dâng số 1 phường Kon Tum. (6) Sửa chữa, nâng cấp đập ngăn mặn Hiền Lương và Khê Hòa.

Tỉnh cũng đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hỗ trợ kinh phí để đầu tư kiên cố hóa các tuyến đê xung yếu, ngăn mặn, giữ ngọt như đê Bình Minh - Bình Trung, đê Châu Ô (sông Trà Bồng) khoảng 280 tỷ đồng, và đê Phô Minh (giai đoạn 2) khoảng 200 tỷ đồng.

Công tác kiểm tra, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, đê điều trước mùa mưa lũ là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên và liên tục, được Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm chỉ đạo. Với sự chủ động của ngành và các địa phương, công tác này đã góp phần quan trọng trong phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại thiên tai, bảo vệ công trình, đảm bảo an toàn vùng hạ du, hướng tới phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.

NHÌN LẠI 10 NĂM THỰC HIỆN LUẬT TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

✍️ **Nguyễn Thị Thanh Nga**

Chi cục Thủy sản - Biển đảo

Quảng Ngãi có bờ biển dài 130 km, vùng lãnh hải rộng khoảng 11.000 km², với hệ thống sinh thái ven bờ phong phú, đa dạng. Đây là nền tảng quan trọng cho phát triển kinh tế biển, nhưng cũng là khu vực chịu tác động mạnh của thiên tai, biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường. Trước yêu cầu phát triển bền vững, 10 năm qua, việc triển khai **Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo** đã giúp tỉnh Quảng Ngãi có những chuyển biến rõ nét trong quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên biển, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và chủ quyền biển đảo.

Những kết quả nổi bật

Một là, điều tra cơ bản và nghiên cứu khoa học. Tỉnh

đã triển khai nhiều hoạt động điều tra đất ngập nước, rừng ngập mặn, rừng phòng hộ, nguồn lợi thủy sản vùng ven bờ... Kết quả cung cấp dữ liệu quan trọng phục vụ quản lý và hoạch định chính sách. Bên cạnh đó, các đề tài, dự án ứng dụng khoa học - công nghệ trong nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị đã được triển khai, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và bảo vệ hệ sinh thái.

Hai là, thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển. Theo Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh, hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh dài 80,8 km với diện tích 9,01 km², trải rộng tại 11/13 xã, phường, đặc khu có biển. Đây là công cụ quản lý quan trọng nhằm hạn chế khai thác, xây



Tổ cộng đồng tham gia bảo vệ rong mơ tại xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi

dựng thiếu bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo đảm quyền tiếp cận biển cho cộng đồng.

Ba là, triển khai quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ. Tỉnh đã ban hành Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 27/01/2016, với 9 nhiệm vụ, 4 nhóm nội dung. Đáng chú ý là việc ban hành bộ tiêu chí giám sát với 32 tiêu chí và 148 chỉ thị; xây dựng mô hình đồng quản lý tại Khu bảo tồn biển Lý Sơn, rừng ngập mặn Vạn Tường; thành lập tổ tự quản bảo vệ rong mơ tại nhiều xã. Công tác đào tạo, truyền thông được đẩy mạnh với hơn 1.200 lượt người tham gia, góp phần nâng cao ý thức cộng đồng trong quản lý biển.

Bốn là, kiểm soát ô nhiễm, ứng phó sự cố môi trường biển. Tỉnh đã phê duyệt trên 200 kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, tổ chức 7 hội nghị tuyên truyền, 7 lớp tập huấn và 3 đợt diễn tập quy mô lớn, nâng cao năng lực chỉ huy, phối hợp liên ngành. Đồng thời, việc cấp phép và giám sát hoạt động nhận chìm vật chất nạo vét ở biển được thực hiện nghiêm theo Luật, với Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND xác định rõ khu vực đổ thải, hạn chế tác động đến môi trường.

Năm là, quan trắc và giám sát môi trường. Quảng Ngãi đã khảo sát, thiết lập hệ thống quan trắc với 42 điểm nước biển ven bờ và 4 điểm trầm tích, chuẩn hóa



Các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội sôi động tại vùng bờ

quy trình đánh giá chất lượng môi trường biển. Đây là cơ sở khoa học để dự báo, cảnh báo sớm, chủ động ứng phó sự cố môi trường.

Định hướng sắp tới

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác quản lý tài nguyên, môi trường biển vẫn còn nhiều khó khăn: Ý thức cộng đồng chưa cao; một số hoạt động khai thác ven bờ còn thiếu bền vững; biến đổi khí hậu, rác thải nhựa đại dương, xói lở bờ biển ngày càng phức tạp. Đặc biệt, yêu cầu hội nhập quốc tế đặt ra nhiều thách thức mới, như: Tuân thủ các công ước quốc tế, tiêu chuẩn phát thải, bảo tồn đa dạng sinh học biển.

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045, Quảng Ngãi xác định rõ định hướng: (1) Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng. (2) Đẩy mạnh nghiên

cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao trong giám sát, cảnh báo, xử lý ô nhiễm biển. (3) Phát triển kinh tế biển xanh, kinh tế tuần hoàn, chú trọng giảm rác thải nhựa và phát thải các-bon thấp. (4) Tăng cường hợp tác, huy động sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội vào quản lý, bảo vệ biển đảo.

Sau 10 năm triển khai Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Quảng Ngãi đã đạt nhiều kết quả tích cực, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế biển bền vững. Tuy nhiên, trước những thách thức của biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế, tỉnh cần tiếp tục đổi mới phương thức quản lý, thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hướng tới mục tiêu đến năm 2045 Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh. Đây cũng là định hướng phù hợp với chủ trương phát triển nông nghiệp và môi trường xanh, bền vững, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn tới.

LỒNG GHÉP CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH NÔNG THÔN VỚI CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM TẠI QUẢNG NGÃI

*✍ Nguyễn Thanh Hiền
Chi cục Phát triển nông thôn*

Trong dòng chảy hồi hải của cuộc sống hiện đại, nhiều người tìm về những giá trị nguyên bản, những miền quê yên ả để lắng lòng và tìm thấy sự bình yên. Du lịch nông thôn gắn với chương trình “mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) được xác định là một hướng đi bền vững trong xây dựng nông thôn mới, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân vùng nông thôn, đồng thời khai thác tiềm năng, thế mạnh của mỗi địa phương.

Quảng Ngãi, với vị thế “hai đầu” núi và biển, sở hữu một tài nguyên du lịch **đa dạng và phong phú** với Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa, cùng với các lễ hội, bản sắc văn hóa phong phú của các dân tộc thiểu số, nghề thủ công truyền thống, kiến trúc nhà rông, công chiêng,... và nhiều di tích lịch sử cách mạng có tiềm năng phát triển du lịch. Đồng thời có nhiều sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP của tỉnh Quảng Ngãi từ tỏi Lý Sơn nổi tiếng cho đến Sâm Ngọc Linh quý giá. Đây là những yếu tố thuận lợi để phát triển loại hình du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn gắn với chương trình OCOP tại địa phương.

Tích hợp du lịch nông thôn và Chương trình OCOP



Bầu cá cái, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi

mang lợi ích kép cho cộng đồng, khi các sản phẩm OCOP được gắn kết với du lịch, giá trị của sản phẩm được nâng lên gấp nhiều lần. Du khách không chỉ mua sản phẩm mà còn sẵn sàng chi trả cho các dịch vụ trải nghiệm đi kèm, từ đó tạo ra nguồn thu nhập ổn định cho người dân. Du lịch nông thôn giúp bảo tồn các làng nghề truyền thống, lễ hội, văn hóa ẩm thực đặc sắc của địa phương. Người dân thêm tự hào khi được giới thiệu những nét đẹp văn hóa của mình, góp phần giữ gìn bản sắc dân tộc.

Hiện nay, Quảng Ngãi đã có nhiều điểm đến du lịch nông thôn được công nhận, nhiều sản phẩm OCOP đã được đưa vào chuỗi trải nghiệm du lịch, bước đầu có

những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức cần vượt qua như thiếu sự liên kết giữa các điểm đến nên du lịch nông thôn còn manh mún, mang tính tự phát, theo mùa; các sản phẩm OCOP chưa lồng ghép vào du lịch nông thôn nên chưa phát huy hết các giá trị sản phẩm; cơ sở vật chất ở một số điểm du lịch vẫn chưa đồng bộ, công tác quảng bá, giới thiệu tiềm năng du lịch chưa thường xuyên và chưa toát lên được nét đặc trưng từng vùng miền,...

Để tiếp tục phát triển du lịch cộng đồng nông thôn theo hướng bền vững, trên cơ sở sử dụng hiệu quả, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, tích hợp các sản phẩm OCOP, các hoạt

động nông nghiệp và môi trường sinh thái vào du lịch nông thôn; trong thời gian đến, tỉnh Quảng Ngãi cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

(1) Tăng cường quy hoạch và liên kết: Các địa phương cần xây dựng quy hoạch tổng thể về du lịch nông thôn, tạo ra các chuỗi liên kết giữa các điểm đến, làng nghề và các sản phẩm OCOP. Điều này sẽ tạo nên một hành trình du lịch xuyên suốt, hấp dẫn, giúp du khách khám phá được nhiều giá trị hơn.

(2) Xây dựng sản phẩm du lịch độc đáo: Mỗi địa phương nên tập trung khai thác thế mạnh riêng của mình để tạo ra những sản phẩm du lịch đặc thù, có câu chuyện riêng. Đó có thể là du lịch trải nghiệm làng nghề, du lịch sinh thái kết hợp với sản xuất nông nghiệp hữu cơ, hay du lịch cộng đồng gắn với các lễ hội truyền thống.

(3) Nâng cao chất lượng dịch vụ và hạ tầng: Đào tạo nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao, nâng cấp cơ sở vật chất, cải thiện giao thông nông thôn và đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp.

(4) Đẩy mạnh quảng bá, ứng dụng công nghệ: Sử dụng các kênh truyền thông hiện đại như mạng xã hội, website, các ứng dụng du lịch để quảng bá sản phẩm. Xây dựng thương hiệu du lịch nông thôn Quảng Ngãi trên các nền tảng số, tiếp cận du khách trong và ngoài nước.

Lồng ghép du lịch nông thôn với chương trình OCOP là một chiến lược quan trọng để phát triển kinh tế địa phương, nâng cao thu nhập cho người dân. Đồng thời giảm áp lực cho khu vực thành thị, phát triển cộng đồng, gắn kết xã hội và phục hồi, bảo tồn phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, bảo tồn đa dạng sinh thái, làm mới làng xã theo hướng xanh, sạch, nâng cao ý thức trách nhiệm với nông nghiệp, với môi trường.

Với sự đồng lòng của người dân và chính quyền, du lịch nông thôn Quảng Ngãi hứa hẹn sẽ trở thành một điểm sáng trên bản đồ du lịch Việt Nam, mang lại những giá trị bền vững cho cộng đồng và góp phần xây dựng một Quảng Ngãi ngày càng giàu đẹp.

TUYÊN TRUYỀN HOẠT ĐỘNG HƯỞNG ỨNG CHIẾN DỊCH LÀM CHO THẾ GIỚI SẠCH HƠN

✍️ Đoàn Thị Thanh Kiều
Chi cục Bảo vệ môi trường

Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn được triển khai trong nhiều năm qua trên nhiều tỉnh thành cả nước nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng đã thu hút sự quan tâm, hưởng ứng của các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, các địa phương và đông đảo tầng lớp nhân dân, dần trở thành phong trào của cộng đồng.

Năm 2025, Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn với thông điệp “*Chung tay hành động cho thế giới sạch hơn*” nhằm tiếp tục góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường, khuyến khích các hoạt động, phong trào của cộng đồng về bảo vệ môi trường nhằm hướng đến nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững; đặc biệt là việc thực thi có hiệu quả các cam kết của Việt Nam với cộng đồng quốc tế về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Cùng với các địa phương trên cả nước, tỉnh Quảng Ngãi đã tích cực phối hợp với các sở, ngành, đơn vị và địa phương trong tỉnh tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050...; đồng thời phối hợp kiểm soát chặt chẽ việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải phát sinh trên địa bàn theo đúng quy định; xử lý triệt để các điểm tồn đọng rác thải gây ô

nhiệm môi trường; tập trung giải quyết triệt để các vấn đề ô nhiễm môi trường gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và sinh kế người dân.

Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong việc hưởng ứng Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn, năm 2025 Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải; phối hợp với Báo, Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi thực hiện các phóng sự tuyên truyền về bảo vệ môi trường phát trên sóng phát thanh, truyền hình và đăng trên báo in các bài báo tuyên truyền về bảo vệ môi trường; thực hiện treo băng rôn, pano hưởng ứng phát động các ngày lễ về bảo vệ môi trường.

Nằm trong chuỗi hoạt động hưởng ứng Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức hoạt động ra quân làm sạch bãi biển Mỹ Khê, hưởng ứng Lễ phát động Toàn dân tham gia bảo vệ môi trường vì một Việt Nam sáng - xanh - sạch - đẹp; Lễ phát động Chiến dịch ra quân thu gom rác thải, làm sạch môi trường khu vực ven biển, với chủ đề “*Vì một đại dương không rác thải nhựa*”.



Hoạt động ra quân làm sạch bãi biển Mỹ Khê tại xã Tịnh Khê, tỉnh Quảng Ngãi

Đồng thời, nhiều phong trào, mô hình bảo vệ môi trường cũng được triển khai: phong trào “*Nói không với nhựa dùng một lần*”; mô hình “*Người dân mang rác về bờ - Biển rác thành tiền*” tại các cảng cá; các chiến dịch “*Ngày Chủ nhật xanh*”, “*Đoạn đường không rác thải*”... góp phần lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng.

Hoạt động ra quân làm sạch bãi biển Mỹ Khê tại xã Tịnh Khê, tỉnh Quảng Ngãi

Chung tay thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, Tổ chức Let's do it Việt Nam tại Quảng Ngãi đã phối hợp với UBND phường Cẩm Thành tổ chức thu dọn rác tại khu vực xung quanh Công viên Thiên Bút, đổi sách, truyện cũ lấy quà xanh,... Cùng với đó, UBND các xã, phường như xã An Phú,

Vạn Tường, Sa Huỳnh... và đặc khu Lý Sơn tổ chức ra quân dọn vệ sinh khu vực bãi biển định kỳ hàng tháng, qua đó đã lan toả, nâng cao nhận thức và hành động của toàn dân đối với các vấn đề môi trường.

Các lực lượng thu gom rác thải tại bờ biển thôn An Kỳ, xã Tịnh Khê

Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn là dịp để kêu gọi các cấp, các ngành và toàn thể các tổ chức, cá nhân, cộng đồng, doanh nghiệp cùng nhau chung tay hành động vì môi trường, cùng thực hiện trách nhiệm vì môi trường từ những hành động nhỏ trong chính gia đình, nơi làm việc, khu dân cư nơi mình sinh sống, mỗi người trong chúng ta đều có thể góp phần làm cho thế giới sạch hơn, đẹp hơn./.

A TÚT - NGƯỜI THẮP LỬA XANH GIỮA ĐẠI NGÀN

✍ Nguyễn Thị Phương Trang
Chi cục Kiểm lâm

Trên con đường nhỏ uốn lượn men theo sườn núi, những tia nắng đan qua tán rừng già, chiếu xuống những mái nhà sàn thấp thoáng khỏi lam chiều, thôn Măng Rương thuộc xã Kon Đào, tỉnh Quảng Ngãi hiện lên như một bức tranh yên bình, nơi sắc xanh núi rừng hòa quyện cùng với cuộc sống thanh bình của người dân. Và giữa bức tranh ấy, nổi bật hình ảnh một người đàn ông dáng rắn rỏi, ánh mắt kiên nghị nhưng ấm áp - Anh A Tút, thôn trưởng thôn Măng Rương, anh sinh năm 1986, người được bà con gọi bằng cái tên trêu mến: “Người thắp lửa xanh giữa đại ngàn”.

Không chỉ là một cán bộ thôn trách nhiệm, A Tút còn là người đã cùng cộng đồng viết nên câu chuyện kỳ diệu về hành trình giữ rừng - xây dựng làng - làm giàu bền vững từ chính những cánh rừng mà Nhà nước giao cho cộng đồng quản lý.

Khởi đầu từ một lời hứa với rừng

Trước đây, khi thôn Măng Rương nhận bàn giao gần 300 ha rừng tự nhiên để cộng đồng thôn quản lý, không ít người tỏ ra hoài nghi. “Dân mình còn nghèo, lấy gì mà giữ rừng?” - nhiều người đã hỏi A Tút như thế.

Nhưng anh chỉ mỉm cười:



Thôn trưởng A Tút và Kiểm lâm hướng dẫn Tổ bảo vệ rừng

“Rừng là mẹ của làng, giữ được rừng là giữ lấy cái sống, cái ăn của con cháu sau này”.

Câu nói giản dị ấy là lời hứa mà anh đã tự nguyện ký bằng cả cuộc đời mình.

A Tút bắt đầu vận động từng hộ gia đình ký cam kết bảo vệ rừng, tổ chức họp thôn phổ biến Luật Lâm nghiệp, lồng ghép nội dung quản lý bảo vệ rừng vào hương ước, quy ước của thôn. Anh cùng các ban, đoàn thể và những người uy tín trong thôn lập các Tổ bảo vệ rừng cộng đồng, phân công lịch tuần tra luân phiên đảm bảo tất cả các hộ gia đình đều tham gia bảo vệ rừng. Mỗi bước đi đều thận trọng, kiên trì nhưng đầy quyết tâm.

Ứng dụng công nghệ số

- Khi người giữ rừng dùng điện thoại thông minh

Không dừng lại ở đó, A Tút luôn thôi thúc cộng đồng phải đổi mới. Một điều ít ai ngờ: Ở một thôn vùng sâu vùng xa như thôn Măng Rương, công nghệ số đã trở thành “trợ thủ đắc lực” trong công tác quản lý bảo vệ rừng, với tinh thần chịu khó ham học hỏi, thôn trưởng A Tút đã chủ động tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, bảo vệ rừng của thôn.

Khi được Kiểm lâm viên hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý bảo vệ rừng có tích hợp ảnh viễn thám, phần mềm cảnh báo cháy rừng trên điện thoại thông minh, anh đã nhanh chóng nắm bắt cách sử dụng, từ thao tác truy cập bản

đồ vệ tinh, phân tích dữ liệu diễn biến rừng đến phát hiện những điểm cháy trên vệ tinh. Sự ham học hỏi và tinh thần cầu tiến của thôn trưởng đã giúp việc giám sát rừng ở cộng đồng trở nên chủ động, chính xác và hiệu quả hơn, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ rừng của người dân trong thôn.

Đặc biệt A Tút đã hướng dẫn các Tổ bảo vệ rừng lập nhóm Zalo bảo vệ rừng cộng đồng, để thông báo lịch tuần tra, chăm công đi rừng, chia sẻ nhanh các thông tin vi phạm, dự báo thời tiết, phòng cháy chữa cháy rừng ... Khi đi rừng A Tút hướng dẫn bà con đánh dấu các cây to, những nơi rừng có nguy cơ bị xâm hại, sử dụng điện thoại quay phim, chụp hình gửi vào nhóm để theo dõi. Nhờ vậy, công tác quản lý rừng ở thôn Măng Rương giờ đây vừa chặt chẽ, vừa hiện đại, minh bạch, tiết kiệm thời gian và chi phí - điều tưởng chừng chỉ có ở những đơn vị chuyên nghiệp.

Biến rừng thành sinh kế - Góp phần xây dựng nông thôn mới

Thành quả không đến ngay, nhưng rồi nỗ lực của họ đã được đền đáp: Diện tích rừng cộng đồng được bảo vệ nguyên vẹn, không khí trong lành, các dòng suối bắt đầu đầy nước trở lại. Từ năm 2022, thôn Măng Rương được nhận tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đều đặn hằng năm, bình quân mỗi năm gần 200 triệu.

Số tiền ấy, được A Tút

đề xuất với bà con trích ra khoảng 30% đưa vào quỹ thôn để sử dụng vào mục đích chung như tổ chức ngày hội bánh chưng xanh, mừng công báo công, ủng hộ vì người nghèo, đền ơn đáp nghĩa, thăm hỏi ma chay, bảo dưỡng, sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng, hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo... Số tiền còn lại sẽ được chia đều cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ rừng trong năm, bình quân mỗi hộ nhận khoảng 1 triệu đến 2 triệu trong một năm, tùy số ngày công tham gia tuần tra bảo vệ rừng trong năm.

Sau khi nhận được tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng, thôn trưởng đã họp dân và tận tình hướng dẫn bà con sử dụng nguồn kinh phí này một cách hiệu quả. Anh vận động các hộ gia đình góp phần vốn, liên kết cùng nhau mua cây giống cà phê, cao su về trồng trên diện tích đất nương rẫy phù hợp, nhằm phát triển kinh tế hộ gia đình. Hiện nay thôn Măng Rương có khoảng 25 ha cà phê, 10 ha cao su. Ngoài ra bà con tích cực tham gia trồng rừng, trồng cây phân tán vừa tạo cảnh quan che bóng vừa phát triển kinh tế.

Nhờ sự định hướng kịp thời của thôn trưởng, bà con hết sức phấn khởi; việc giao rừng cộng đồng, không chỉ giúp người dân tăng thu nhập mà còn thắt chặt thêm sợi dây gắn bó giữa cộng đồng và rừng, mỗi cây đứng vững

giữ đại ngàn không chỉ là bóng mát, là lá phổi xanh, mà còn là niềm tự hào và là kế sinh nhai của cả thôn.

Hành trình phía trước - Giữ cho rừng mãi xanh

Giờ đây, khi đứng trên đỉnh đồi cao nhìn xuống, thôn Măng Rương như một ốc đảo xanh giữa đại ngàn. Tiếng cười trẻ thơ vang vọng giữa rừng cây, tiếng gà gáy xen tiếng chim hót... Tất cả là minh chứng sống động cho sự cộng sinh hài hòa giữa con người và rừng.

Mặc dù diện tích rừng của thôn được bảo vệ ổn định, tuy nhiên thôn trưởng vẫn không lơ là nhiệm vụ mà luôn cố gắng duy trì các hoạt động tuyên truyền, vận động bà con tích cực tham gia bảo vệ rừng. Anh thường xuyên tổ chức họp thôn, lồng ghép nội dung bảo vệ rừng vào các buổi sinh hoạt cộng đồng để nhắc nhở, nâng cao ý thức cho từng hộ gia đình. Anh luôn kết thúc buổi họp thôn bằng câu nói: *“Bảo vệ rừng chính là bảo vệ sự sống của mỗi người dân trong thôn chúng ta”*. Anh chia sẻ: *“Trước đây, nhiều người dân từng nghĩ rừng là của Nhà nước, còn bây giờ bà con đã thay đổi suy nghĩ rừng là của chúng mình, là của con cháu mình”*.

Sự thay đổi ấy chính là thành quả lớn nhất của A Tút - Một thành quả vô hình nhưng bền vững. Nó biến mỗi người dân thành một “Kiếm lâm không chuyên”, biến mỗi đứa trẻ thành một “mầm xanh của rừng”.

Nhờ sự kiên trì và tận tâm của thôn trưởng, tinh thần trách nhiệm trong bảo vệ rừng của bà con ngày càng được củng cố, trở thành nếp sống và ý thức chung của cả cộng đồng. Khi hỏi bí quyết để thành công, A Tút chỉ cười hiền: “*Mình không có bí quyết gì đâu, chỉ là yêu rừng, yêu dân, rồi kiên trì làm từng việc nhỏ thôi*”.

Nhưng ai từng đồng hành cùng anh đều hiểu: Để làm được như anh không chỉ cần tình yêu, mà còn phải có bản lĩnh, tầm nhìn và trái tim của một người thủ lĩnh cộng đồng thực thụ. Anh không quản ngày đêm cùng bà con tuần tra rừng, không ngại học hỏi công nghệ mới, không ngại tranh luận để thuyết phục mọi người đồng thuận, không ngại va chạm để bảo vệ cái đúng. Trong ánh mắt người dân thôn Măng Rưng, A Tút vừa là người anh, người bạn, vừa là “thủ lĩnh rừng xanh”.

Câu chuyện của A Tút và cộng đồng thôn Măng Rưng không ồn ào, không phô trương, nhưng lặng lẽ lan tỏa như những mạch nước ngầm nuôi rừng xanh.

Giữa lúc biến đổi khí hậu và suy thoái tài nguyên đang là thách thức toàn cầu, tấm gương ấy như một lời nhắn gửi mạnh mẽ: Bảo vệ rừng không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước, mà là nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi người dân. Hành trình của thôn trưởng không chỉ giúp bà con vươn lên thoát nghèo xây dựng nông thôn mới, mà còn là nguồn cảm hứng, lan tỏa tinh thần trách nhiệm và tình yêu rừng đến với nhiều cộng đồng khác.

Từ những thôn nhỏ như thôn Măng Rưng, từ những con người bền bỉ như A Tút, hy vọng, những cánh rừng Việt Nam sẽ mãi xanh ngắt - như chính niềm tin và khát vọng họ gửi gắm vào từng gốc cây, từng tán lá hôm nay.

HIỆU QUẢ VẬN HÀNH HỆ THỐNG QUAN TRẮC NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

✍️ **Đặng Thanh Lâm**

Chi cục Bảo vệ môi trường

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, vấn đề ô nhiễm môi trường ngày càng trở thành mối quan tâm lớn của chính quyền và người dân. Trước tình hình đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai giải pháp sử dụng công nghệ thông tin để quản lý, theo dõi, giám sát thông qua hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, giám sát.

Đến nay, toàn tỉnh đã có 57 trạm quan trắc tự động, liên tục được lắp đặt và vận hành, gồm 36 trạm quan trắc nước thải và 21 trạm quan trắc khí thải. Các hệ thống này có khả năng đo đạc, ghi nhận và truyền dữ liệu theo thời gian thực, bao gồm những thông số quan trọng như: Đối với nước thải: pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amonia, lưu lượng...; đối với khí thải: lưu lượng, nhiệt độ, NO_x, SO₂, O₂ dư, bụi tổng, CO...

Thông qua đó, cơ quan quản lý có thể theo dõi giám sát chất lượng môi trường cũng như lưu lượng xả thải của từng cơ sở sản xuất. Dữ liệu thu thập được là cơ sở quan trọng để kiểm soát chặt chẽ hoạt động



Trạm quan trắc của Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất

xả thải; phát hiện sớm nguy cơ ô nhiễm môi trường để có biện pháp xử lý kịp thời; công khai thông tin, giúp cộng đồng dân cư cùng tham gia giám sát góp phần nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp, khuyến khích áp dụng công nghệ, sản xuất thân thiện môi trường, hướng tới phát triển bền vững.

Việc triển khai thực hiện quan trắc tự động nhận được quan tâm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và sự đồng thuận cao từ doanh nghiệp, nhân dân. Đây là động lực quan trọng để hệ thống ngày càng phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn còn một số doanh nghiệp gặp khó khăn như: Hạ tầng viễn thông phục vụ cho việc kết nối chưa đồng bộ, đặc biệt ở những vùng sâu, vùng xa; các thiết bị quan trắc tự động khi có sự cố hoặc thiết bị hư hỏng phải đặt hàng, nhập khẩu từ nước ngoài; cán bộ kỹ thuật phải thuê ở các thành phố lớn. Do đó thời gian khắc phục sự cố kéo dài ảnh hưởng đến việc theo dõi giám sát.

Để khắc phục các vướng mắc, khó khăn và phát huy tối đa hiệu quả của hệ thống quan trắc, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục: Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý dữ liệu môi trường; tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường; kiểm soát nghiêm ngặt các cơ sở có lưu lượng nước thải, khí thải lớn; yêu cầu các đơn vị đầu tư hoàn chỉnh trạm quan trắc theo đúng quy định; tham mưu xây dựng, ban hành văn bản pháp lý phù hợp thực tiễn địa phương.

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và quyền lợi của mỗi chúng ta. Việc lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục không chỉ là giải pháp quản lý tiên tiến, mà còn là minh chứng cho quyết tâm xây dựng một Quảng Ngãi xanh - sạch - an toàn. Mỗi doanh nghiệp hãy thực hiện đúng quy định, coi đây là cơ hội để nâng cao uy tín và phát triển bền vững.

Chuyển đổi số để hướng đến nông nghiệp xanh và phát triển bền vững

✍ Phạm Thanh

Trung tâm Khuyến nông

Quảng Ngãi, với diện tích tự nhiên hơn 14.800 km², địa hình đa dạng từ đồng bằng màu mỡ, miền núi trập trùng đến đảo Lý Sơn giàu tiềm năng, là nền tảng lý tưởng để phát triển nông nghiệp bền vững, ứng dụng công nghệ cao, nâng tầm giá trị gia tăng và khai thác tối đa lợi thế địa phương. Tỉnh đặt mục tiêu tăng trưởng giá trị nông, lâm, ngư nghiệp 3 - 4%/năm, đảm bảo an ninh lương thực với sản lượng lúa ổn định 300.000 - 350.000 tấn/năm, phát triển các giống cây trồng chịu hạn, chịu mặn.

Các sản phẩm chủ lực như tỏi Lý Sơn, quế Trà Bồng, sâm Ngọc Linh, cà phê, hồ tiêu, cao su và thủy sản được ưu tiên đầu tư chế biến sâu, đẩy mạnh xuất khẩu với mục tiêu chiếm 50% giá trị. Ngành nông nghiệp sẽ tái cơ cấu theo mô hình kết hợp Nông - Lâm - Ngư, trong đó nông nghiệp công nghệ cao chiếm 30% giá trị sản xuất, cơ giới hóa đạt 70 - 80%, và chuyển đổi số trở thành trụ cột trong sản xuất, quản lý và tiêu thụ.

Trong bối cảnh chuyển đổi số lan tỏa mạnh mẽ, nông nghiệp Quảng Ngãi đang bước vào giai đoạn đổi mới toàn diện, không chỉ là việc áp dụng công nghệ đơn thuần mà là một cuộc cách mạng tái cấu trúc toàn bộ chuỗi giá trị. Để đạt được mục tiêu đó, chuyển đổi số đóng vai trò then chốt, mang lại nhiều lợi ích thiết thực.

Trước hết, chuyển đổi số nâng cao năng suất, chất lượng và tính bền vững của sản xuất nông nghiệp. Các công nghệ như Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) giúp nông dân tiếp cận thông tin chính xác về môi trường, đất đai, cây trồng; từ đó đưa

ra quyết định hợp lý về tưới tiêu, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, giảm chi phí, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm. Công nghệ số còn giúp giảm phụ thuộc nhân công, tăng năng suất và đảm bảo sản phẩm đồng đều, góp phần cải thiện thu nhập cho người dân.

Thứ hai, chuyển đổi số mở rộng khả năng tiếp cận thị trường. Việc ứng dụng công nghệ giúp người tiêu dùng theo dõi, truy xuất nguồn gốc nông sản, kiểm chứng chất lượng theo thời gian thực, tạo niềm tin và nâng cao giá trị sản phẩm. Sự liên kết giữa sản xuất - tiêu dùng được thắt chặt, góp phần hạn chế tình trạng “được mùa mất giá” và hướng đến sản xuất ổn định, bền vững.

Thứ ba, chuyển đổi số còn giúp giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu. Thông qua trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu, ngành nông nghiệp có thể dự báo sớm thời tiết, chủ động phòng chống dịch bệnh, bảo vệ năng suất cây trồng, vật nuôi.

Cuối cùng, chuyển đổi số tạo đột phá trong công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp. Từ cấp Sở đến doanh nghiệp, việc ứng dụng dữ liệu số giúp đưa ra quyết định nhanh, chính xác, minh bạch



Hệ thống tưới nước tự động giúp tưới nước chính xác theo yêu cầu của cây trồng, giúp tiết kiệm nước, thời gian và nhân công

và hiệu quả hơn; đồng thời giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy hình thành nền kinh tế nông nghiệp hiện đại.

Tuy nhiên, hành trình chuyển đổi số không dễ dàng. Quảng Ngãi vẫn còn nhiều khó khăn về hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt ở vùng nông thôn, miền núi. Chi phí đầu tư ban đầu cho thiết bị, cảm biến, phần mềm còn cao; trình độ, kỹ năng công nghệ của nông dân còn hạn chế; việc thay đổi thói quen sản xuất truyền thống sang mô hình số đòi hỏi thời gian và hỗ trợ đồng bộ. Bên cạnh đó, vấn đề quản lý và bảo mật dữ liệu cũng là thách thức khi lượng thông tin sản xuất và kinh doanh ngày càng lớn.

Để vượt qua, cần triển khai các giải pháp đồng bộ và quyết liệt. Trước hết, thay đổi nhận thức: Các cấp ủy Đảng, chính quyền cần tăng cường tuyên truyền, quán triệt sâu rộng vai trò, ý nghĩa của chuyển đổi số; giúp cán bộ, đảng viên và người dân hiểu rõ lợi ích, từ đó chủ động tham gia. Về nguồn vốn và hạ tầng công nghệ, cần ưu tiên đầu tư hệ thống thủy lợi, điện, giao thông, internet, trung tâm dữ liệu; ban hành chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư, đặc biệt là vốn FDI vào nông nghiệp số. Rà soát các dự án hạ tầng sử dụng ngân sách nhà nước, huy động thêm nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia và xã hội hóa. Đồng

thời, cần đơn giản thủ tục, tạo điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công nhận tài sản công nghệ như nhà kính, ao nuôi, hệ thống tưới thông minh là tài sản thể chấp.

Về nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành nông nghiệp, đội ngũ khoa học - công nghệ; tổ chức tập huấn kỹ năng số cho nông dân; phát huy vai trò của các tổ chức như Hội Nông dân, Phụ nữ, Đoàn Thanh niên trong hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm. Khuyến khích nông dân tiên phong trong ứng dụng công nghệ làm hạt nhân lan tỏa mô hình hiệu quả.

Xây dựng cơ sở dữ liệu nông nghiệp số là nhiệm vụ trọng tâm. Nhà nước cần dẫn dắt việc xây dựng hệ thống dữ liệu lớn, thống kê chi tiết từ các cơ quan chuyên môn; thiết lập mạng lưới giám sát sản xuất thông minh. Khuyến khích nông dân sử dụng nhật ký điện tử thay cho ghi chép truyền thống, góp phần hình thành kho dữ liệu chung phục vụ quản lý, dự báo và hoạch định chính sách.

Chuyển đổi số không chỉ là xu hướng tất yếu mà là nhu cầu cấp thiết để nâng cao đời sống nông dân và năng lực cạnh tranh của nông nghiệp Quảng Ngãi. Với quyết tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự phối hợp của các sở, ngành, doanh nghiệp và người dân, tỉnh hoàn toàn có thể khai thác tối đa tiềm năng, vượt qua thách thức, xây dựng nền nông nghiệp xanh, thông minh, bền vững - góp phần phát triển kinh tế - xã hội và khẳng định vị thế của Quảng Ngãi trong kỷ nguyên số.

TRIỂN KHAI CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

✍ Lê Viết Bình

Chi cục Thủy lợi

Nhằm chủ động ứng phó với diễn biến thiên tai trong các tháng cuối năm, đặc biệt khi thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng, công tác phòng, chống thiên tai (PCTT) sau khi tỉnh Quảng Ngãi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp cần tiếp tục được quan tâm, triển khai đồng bộ và hiệu quả.

Tăng cường chỉ đạo, kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực PCTT

Để bảo đảm công tác chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai, UBND cấp xã phải thành lập Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban, phân công nhiệm vụ rõ ràng, huy động sự tham gia của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và lực lượng tại chỗ trong công tác ứng phó, khắc phục hậu quả bão, lũ.

Do mô hình tổ chức mới, nhiều cán bộ cấp xã còn hạn chế kinh nghiệm nên cần được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao năng lực tham mưu. Bên cạnh đó, cần đầu tư trang thiết bị và ứng dụng khoa học - công nghệ trong quản lý rủi ro thiên tai như hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn, giám sát sạt lở đất, thiết bị đánh giá thiệt hại, hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung về PCTT của tỉnh.

Hoàn thiện phương án, kịch bản ứng phó và kiểm tra, rà soát trọng điểm thiên tai

Để kịp thời triển khai công tác phòng, chống thiên tai, các địa phương phải xây dựng, ban hành Phương án Ứng phó thiên tai trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường và tích hợp thông tin Phương án lên Hệ thống Cơ sở dữ

liệu Phòng, chống thiên tai tỉnh. Việc kiểm tra, rà soát thường xuyên giúp xác định cụ thể các điểm xung yếu, khu vực có nguy cơ ngập sâu, sạt lở, lũ quét, sạt lở bờ sông, bờ biển... để có giải pháp kịp thời, sát thực tế. Lãnh đạo các địa phương, thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp cần chủ động kiểm tra, nắm chắc địa bàn để kịp thời chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai sát với tình hình thực tế trên địa bàn.

Đặc biệt, cần chú trọng kiểm tra an toàn hồ chứa thủy lợi, thủy điện, kể cả các công trình đang thi công; vận hành

thủ hệ thống cửa van, cống và các thiết bị liên quan nhằm bảo đảm công trình hoạt động an toàn trong mùa mưa lũ.

Khi có dự báo bão, lũ ảnh hưởng trực tiếp đến địa bàn, các địa phương phải chủ động xây dựng kịch bản ứng phó chi tiết với từng cấp độ rủi ro: Xác định địa điểm sơ tán dân, số lượng người, phương tiện, lực lượng, nơi đến và phương án hậu cần. Công tác tuyên truyền, thông tin diễn biến thiên tai cần được thực hiện kịp thời, chính xác, đến tận từng hộ dân theo phương châm “đến từng ngõ, gõ cửa từng nhà”, nhất là ở vùng sâu, vùng xa.

Chủ động triển khai lực lượng, phương tiện theo phương châm “Bốn tại chỗ”

Khi thiên tai xảy ra, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp phải triển khai ngay phương án ứng phó theo phương châm “bốn tại chỗ”: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư – phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ; đồng thời bảo đảm nguyên tắc “một người chỉ huy trên một địa bàn” để thống nhất điều hành.

Các lực lượng trực tiếp tham gia ứng phó như đội xung kích, công an, quân sự, kiểm lâm... cần được



Lãnh đạo các Sở, ngành kiểm tra an toàn tàu cá trước bão

trang bị đầy đủ thiết bị cứu hộ, cứu nạn gồm máy phát điện, áo phao, xuồng, phao cứu sinh, thiết bị phóng dây cứu hộ, cưa máy, máy khoan phá bê tông... Các điểm sơ tán dân phải được kiểm tra kỹ về an toàn, có đầy đủ hậu cần, y tế, lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm thiết yếu, sẵn sàng tiếp nhận người dân khi sơ tán.

Khắc phục hậu quả, ổn định sản xuất và đời sống Nhân dân

Sau thiên tai, các cơ quan, đơn vị, địa phương phải khẩn trương kiểm tra, đánh giá thiệt hại, huy động lực lượng, phương tiện và sử dụng ngân sách dự phòng hoặc nguồn hợp pháp khác để hỗ trợ người dân khắc phục khó khăn. Ưu tiên trước hết là hỗ trợ dân sinh, khôi phục sản xuất nông nghiệp, sửa chữa hạ tầng thiết yếu, khôi phục giao thông, thủy lợi, điện, nước, trường học, trạm y tế, đồng thời phòng ngừa dịch bệnh và vệ sinh môi trường sau thiên tai.

Chủ động phòng ngừa, giảm nhẹ rủi ro, hướng tới phát triển bền vững

Trước dự báo tình hình mưa bão còn diễn biến phức tạp trong năm 2025, các cấp, ngành và địa phương cần quán triệt, thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền; tiếp tục phát huy tinh thần chủ động – kịp thời – hiệu quả, bảo đảm công tác PCTT đạt kết quả thiết thực, góp phần ổn định đời sống Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ XỬ LÝ CHẤT THẢI ĐỂ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI XANH, BỀN VỮNG

*Phan Thành Trung
Trung tâm Khuyến nông*

Trong định hướng phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn và thân thiện môi trường, việc ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải trong chăn nuôi đang được xem là giải pháp then chốt nhằm giảm ô nhiễm, tận dụng nguồn phụ phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

Những năm gần đây, cùng với sự tăng trưởng của đàn vật nuôi, vấn đề xử lý chất thải đang trở thành thách thức lớn đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng. Tại Quảng Ngãi, tổng đàn gia súc, gia cầm duy trì ổn định, cơ cấu giống vật nuôi chuyển dịch theo hướng chất lượng và giá trị cao hơn. Tuy nhiên, hình thức chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán vẫn phổ biến, khiến lượng chất thải phát sinh lớn, gây áp lực cho công tác bảo vệ môi trường.

Nhận thấy tính cấp thiết của vấn đề này, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi đã chủ trì nhiều hoạt động tuyên truyền, tập huấn và chuyển

giao công nghệ xử lý chất thải, trong đó nổi bật là các mô hình hầm biogas, đệm lót sinh học, ủ phân compost; cùng các công nghệ mới như máy ép tách phân, xử lý nước thải tiên tiến, công nghệ Organic-Carbon... Những giải pháp này không chỉ giảm thiểu ô nhiễm mà còn giúp tái sử dụng chất thải làm phân hữu cơ, khí sinh học - hướng đến nền nông nghiệp tuần hoàn và bền vững.

Theo Trung tâm Khuyến nông, các công nghệ xử lý chất thải đang được áp dụng rộng rãi nhất hiện nay gồm: Hầm biogas composite, đệm lót sinh học, máy tách phân,... Đây là những công nghệ có chi phí đầu tư hợp lý, vận hành đơn giản, phù hợp với quy mô chăn nuôi hộ gia đình, trang trại vừa và nhỏ.

Một số doanh nghiệp như Công ty TNHH Môi trường và Nông nghiệp An Phát, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Tiến Đạt, Vinamilk... đã triển khai mô hình xử lý chất thải gắn với sản xuất nông nghiệp

tuần hoàn. Đặc biệt, công nghệ tách phân và Organic-Carbon cho phép giảm mùi hôi, hấp phụ chất độc, đồng thời biến phụ phẩm thành nguồn phân hữu cơ phục vụ sản xuất trồng trọt.

Tại huyện Bình Sơn, các mô hình ứng dụng công nghệ xử lý chất thải như hầm biogas, hệ thống xử lý nước thải tập trung, mô hình chăn nuôi bán tuần hoàn đã cho thấy hiệu quả rõ rệt. Khí sinh học được tận dụng phục vụ sinh hoạt, phân bón hữu cơ dùng cho cây trồng, góp phần cải thiện chất lượng môi trường và nâng cao nhận thức cộng đồng về phát triển nông nghiệp xanh. Tuy vậy, việc nhân rộng mô hình vẫn gặp khó khăn về vốn, trình độ kỹ thuật và sự đồng bộ trong hỗ trợ. Do đó, cần có chính sách khuyến khích, vốn vay ưu đãi và cơ chế liên kết giữa các chủ thể để mở rộng quy mô ứng dụng.

Thực tiễn cho thấy, bên cạnh yếu tố công nghệ, việc thay đổi nhận thức và thói quen của người chăn nuôi đóng vai trò quyết định. Ông Võ Duy Hải, nông dân ở xã Bình Sơn, chia sẻ: “Trước đây chất thải thường xả trực tiếp ra môi trường, vừa gây mùi hôi, vừa mất vệ sinh. Từ khi áp dụng mô hình xử lý chất thải kết hợp trồng trọt, tôi vừa có nguồn phân hữu cơ, vừa tiết kiệm chi phí và



Máy tách ép phân biến chất thải thành nguồn thu nhập

bảo vệ môi trường quanh khu dân cư”. Nhiều hộ chăn nuôi khác cũng nhận thấy lợi ích thiết thực từ việc đầu tư công nghệ xử lý chất thải, không chỉ về môi trường mà còn về kinh tế, khi phụ phẩm được tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho trồng trọt.

Công tác khuyến nông vì vậy không chỉ dừng lại ở chuyển giao kỹ thuật, mà còn là hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn thay đổi tư duy sản xuất của nông dân - từ chăn nuôi truyền thống sang chăn nuôi có trách nhiệm, coi chất thải là nguồn tài nguyên có thể tái tạo. Theo ông Ưng Văn Thanh - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi, việc áp dụng công nghệ xử lý chất thải trong chăn nuôi là xu hướng tất yếu để đạt mục tiêu phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn và

bền vững. Ông Thanh nhấn mạnh: “Các hộ chăn nuôi cần lựa chọn công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế; tăng cường liên kết giữa hộ chăn nuôi - hợp tác xã - doanh nghiệp trong xử lý và tiêu thụ các sản phẩm từ chất thải, như phân hữu cơ, khí sinh học. Đây là hướng đi vừa bảo vệ môi trường, vừa tạo giá trị kinh tế mới cho nông nghiệp nông thôn”.

Trong thời gian tới, Trung tâm Khuyến nông tỉnh sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đào tạo và nhân rộng các mô hình xử lý chất thải hiệu quả; đồng thời phối hợp với các đơn vị chuyên môn, doanh nghiệp và chính quyền địa phương để xây dựng chuỗi mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, thân thiện môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu.